

Số: 14/2024/QĐST - DS

Hung Nguyên, ngày 12 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nghĩa Toàn;

2. Ông Nguyễn Văn Tường.

Căn cứ vào các Điều 192, 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Xét thấy:

[1]. *Về nội dung*: Ngày 25 tháng 2 năm 2018 lập hồ sơ đền bù Giải phóng mặt bằng (GPMB) cho hộ Ông Nguyễn Đăng O tại thửa đất số 59, diện tích 1586.1 m² với nguồn gốc phương án bồi thường, hỗ trợ là đất giao theo nghị định 64 C/P tổng số tiền được lập là: 278.360.550 đồng.

Ngày 25 tháng 2 năm 2018 lập hồ sơ đền bù GPMB cho hộ Ông Đinh Văn C thửa đất số 74, diện tích 521.5 m² với nguồn gốc phương án bồi thường, hỗ trợ là đất giao theo nghị định 64 C/P tổng số tiền được lập là: 91.523.250 đồng.

Thời điểm lập hồ sơ, chưa có giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã H. Quá trình hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H xác nhận nguồn gốc đất các thửa trên là đất công ích 5% do UBND xã H quản lý. Do đó, việc lập hồ sơ của GPMB đối với nguồn gốc hai thửa trên thuộc diện đất giao theo nghị định 64 C/P như ban đầu là chưa đúng.

Xác định việc lập hồ sơ khi chưa có xác nhận nguồn gốc của UBND xã H là sai, cán bộ lập hồ sơ GPMB đã tự ý tẩy xóa, chỉnh sửa hồ sơ từ việc bồi thường theo đất ND 64 sang đất công ích 5%.

Do đó, Ngày 15 tháng 5 năm 2018 UBND huyện ban hành Quyết định số 405/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB, trong đó, phê duyệt bồi thường về hoa màu cho hộ ông Nguyễn Đăng O số tiền 7.137.450 và hộ ông Đinh Văn C số tiền 2.346.750 đồng.

Các hộ gia đình đã nhận tiền đền bù khi GPMB chi trả, nhưng không đồng ý với Quyết định trên của UBND huyện, ông O và ông C làm đơn khiếu nại lần đầu với nội dung: Đất của ông O và ông C là đất khai hoang sử dụng ổn định trước

ngày 01 tháng 7 năm 2004 nên yêu cầu được nhận tiền như hồ sơ ban đầu (*như đất được giao theo nghị định 64 C/P*) nếu không nhận được số tiền như hồ sơ đã kí ban đầu thì yêu cầu UBND huyện trả lại hồ sơ cho các ông.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019 Chủ tịch UBND huyện H ban hành các Quyết định số 1409/QĐ-UBND và Quyết định số 1411/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông O và ông C với nội dung: Khiếu nại của ông O và ông C là khiếu nại sai vì đất của các ông là đất công ích 5% nên chỉ được bồi thường về hoa màu không được bồi thường tiền đất nông nghiệp, tiền chuyển đổi nghề nghiệp như đất cấp theo ND 64. Qua xác minh cho thấy đây là vùng đất cao cường nên có thể xem xét bồi thường về Chi phí vào đất còn lại, tuy nhiên thời điểm đó công dân chưa chứng minh được việc đã đầu tư vào đất nên chưa được bồi thường. Do đó, tại khoản 2 Điều 1 của các quyết định này đã chỉ rõ: *UBND huyện sẽ xem xét phê duyệt bổ sung phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ gia đình khi có hồ sơ chứng minh đủ điều kiện được bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.*

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện H ông O và ông C đã làm đơn khiếu nại lần hai đến UBND tỉnh N.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, UBND tỉnh N đã ban hành Công văn số 4154/UBND-TD về giải quyết khiếu nại đối với ông O và ông C như sau:

- Giao cho Chủ tịch UBND huyện H thực hiện thủ tục đề hủy một phần Quyết định số 405 ngày 15 tháng 5 năm 2018 và một phần quyết định số 430 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của UBND huyện H với lý do hủy bỏ: *“Một số Biên bản làm cơ sở phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi thông qua các hộ dân và các thành phần tham gia đã bị tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định”.*

- Hủy bỏ Quyết định số 1409/QĐ-UBND và Quyết định số 1411/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H đối với khiếu nại của ông O và ông C.

Thực hiện Công văn 4154/UBND-TD của UBND tỉnh, UBND huyện H đã hủy bỏ một phần Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của UBND huyện.

Do đó, Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước tại Điều 7 chỉ rõ: Trong vụ việc này, rõ ràng có hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ (hành vi tẩy xóa hồ sơ) có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường (Công văn 4154/UBND-TD). Tuy nhiên, hành vi: *tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định* của cán bộ GPMB không gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho công dân. Do nội dung khiếu nại của công dân và hành vi gây thiệt hại của cán bộ GPMB không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại. (nội dung khiếu nại của ông O và ông C là đất khai hoang sử dụng ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nên yêu cầu được nhận tiền như hồ sơ ban đầu (*như đất được giao theo ND 64*), nhưng Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm

2021 của UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường, sau khi Quyết định số 405/UBND-QĐ bị hủy thì nguồn gốc đất của ông C, ông O không thay đổi (*vẫn là đất 5%*). Do đó, không có thiệt hại thực tế xảy ra nên không có căn cứ để bồi thường theo Điều 7 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2]. *Về tố tụng:*

[2. 1]. Ngày 14 tháng 7 năm 2021 ông Nguyễn Văn O1 (Nguyễn Đăng O) và ông Đinh Văn C viết “ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG” theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước gửi: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H đối với hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ theo Công văn số 4154/UBND-TD ngày 01 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh N.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 UBND huyện H ban hành Công văn số 1282/UBND - TP về việc trả lời “ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG” với nội dung: *“Căn cứ Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, nội dung kiến nghị của công dân không có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”*.

Sau khi nhận được Công văn 1282/UBND - TP, Ngày 11 tháng 8 năm 2021 ông Nguyễn Văn O1 và ông Đinh Văn C viết “ĐƠN KHIẾU NẠI” đối với Công văn số 1282/UBND-TP và nộp đơn trực tiếp tại trụ sở Tiếp công dân của UBND huyện H (có Phiếu tiếp nhận đơn ngày 11/8/2021)

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 ông Nguyễn Văn O1 và ông Đinh Văn C nộp “ĐƠN KHỞI KIẾN”: Chủ tịch UBND huyện H và khởi kiện UBND huyện H tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Như vậy, trước khi khởi kiện đến Tòa án, ông C và ông O1 đã làm “ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG” đến cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ theo điểm a khoản 1 Điều 52 và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án cùng với việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa ngày 12 tháng 9 năm 2024 xác định ông C và ông O1 chưa rút đơn “ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG” như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại khoản 1 Điều 52 quy định *“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường trong các trường hợp sau đây:*

a) *Người yêu cầu bồi thường chưa yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại giải quyết yêu cầu bồi thường;*

b) *Người yêu cầu bồi thường rút yêu cầu bồi thường quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 của Luật này.”*

Do đó, Căn cứ khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 52 luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm g khoản 1 Điều 217; điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự để đình chỉ vụ án là có căn cứ.

[2. 2]. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, ngày 11 tháng 9 năm 2024 Bị đơn là UBND huyện H nộp đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Xét, ngày 11 tháng 8 năm 2021 ông Nguyễn Văn O1 và ông Đinh Văn Công n được Công văn số 1282/UBND-TP; đến ngày 11 tháng 11 năm 2021 (*sau 03 tháng*) ông Nguyễn Văn O1 và ông Đinh Văn C nộp “ĐƠN KHỞI KIẾN” tại Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An là quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết bồi thường.

Tại khoản 2 Điều 52 luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định: *“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết bồi thường quy định tại Điều 47 của Luật này mà người yêu cầu bồi thường không đồng ý với quyết định đó thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường”*.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 52 luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự để đình chỉ vụ án là có căn cứ.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc *“tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”* giữa:

- Nguyên đơn:

Ông Đinh Văn C, sinh năm 1959; địa chỉ: xóm H (xóm K cũ), xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Đăng O (Nguyễn Văn O1), sinh năm 1968; địa chỉ: xóm H (xóm K cũ), xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tú G, sinh năm 1979; địa chỉ: Khôi Y, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn:

UBND huyện H, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: khối C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Phạm H; chức vụ: Chủ tịch.

Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: UBND huyện H, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu H1; chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện H, tỉnh nghệ An. Theo văn bản uỷ quyền số 70/QĐ – UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng số 269/QĐ – UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024.

2. Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án dân sự nếu việc khởi kiện vụ án dân sự sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn, và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phan Hương